

Số: 893 /QĐ-UBND

Đắk Lắk, ngày 14 tháng 4 năm 2015

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc thực hiện chế độ mai táng phí đối với đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế theo Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09/11/2011 của Thủ tướng Chính phủ

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND, ngày 26/11/2003;

Căn cứ Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09 tháng 11 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện chế độ đối với đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế sau ngày 30/4/1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 01/2012/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC ngày 05/01/2012 của Bộ Quốc phòng; Bộ Lao động- TBXH; Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 48/TTr - LĐTBXH ngày 27/3/2015,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Giải quyết chế độ mai táng phí cho 05 đối tượng của UBND các huyện, thị xã, thành phố: Krông Năng; Ea Kar; Buôn Hồ và thành phố Buôn Ma Thuột (Có danh sách kèm theo) là đối tượng trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế sau ngày 30/4/1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc với số tiền là: 85.800.000 đồng (Bằng chữ: Tám mươi lăm triệu, tám trăm ngàn đồng).

**Điều 2.** Nguồn kinh phí thực hiện chi trả trợ cấp từ nguồn đảm bảo xã hội của UBND các huyện, thị xã, thành phố: Krông Năng; Ea Kar; Buôn Hồ và thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại Khoản 2, Điều 8, Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09 tháng 11 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ.

**Điều 2.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Giám đốc Sở Tài chính; Chủ tịch UBND các huyện thị xã, thành phố và các ông, bà có tên trong Danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. /

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- CT UBND tỉnh (B/c);
- PCT (Đ/c Mai Hoan);
- Văn phòng UBND tỉnh
- + CVP, PCVP (Đ/c );
- + Các phòng: TH, NC, TCTM;
- Lưu: VT, VHXH (V-36 b).



Mai Hoan Niê Kdăm





**DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC GIẢI QUYẾT MẠI TÁNG PHÍ THEO QUYẾT ĐỊNH 62/2011/QĐ-TTg**  
(Kèm theo Quyết định số: 893/QĐ-UBND ngày 14 tháng 4 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Số TT	Họ và tên	Năm sinh	Quê quán	Cư trú	Ngày, tháng, năm từ trần	Mức hưởng	Thân nhân
1	Nguyễn Nhung	1960	Phú Lộc - Thừa Thiên Huế	Tân Thành, xã Ea Tóh, huyện Krông Năng	18/9/2014	11,500,000	bà Vũ Thị Mịn
2	Nguyễn Văn Chính	1954	Quảng Điền - Thừa Thiên Huế	Lộc An, xã Phú Lộc, huyện Krông Năng	11/9/2012	10,500,000	bà Hồ Thị Thùy Như
3	Nguyễn Lượng	1968	Sơn Tịnh - Quảng Ngãi	TDP 10, phường An Bình, thị xã Buôn Hồ	01/9/2012	10,500,000	bà Văn Thị Nghiệp
4	Lê Tâm Đức	1964	Điện Bàn - Quảng Nam	TDP 7, phường An Lạc, thị xã Buôn Hồ	22/2/2012	8,300,000	bà Trương Thị Chín
5	Hà Ngọc Thúy	1960	Ý Yên - Nam Định	Tân Hưng, xã Ea Kao, Tp. Buôn Ma Thuột	06/3/2014	11,500,000	bà Hà Hồng Vân
6	Đỗ Đức Chuộng	1958	Kim Động - Hưng Yên	TDP 8, thị trấn Ea Kar, huyện Ea Kar	09/2/2014	11,500,000	bà Hoàng Thị Tiến
7	Triệu Văn Mèn	1992	Quảng Hòa - Cao Bằng	Thôn 3A, xã Ea Ô, huyện Ea Kar	28/7/2014	11,500,000	ông Triệu Văn Bảy
8	Đặng Văn Tao	1992	Ý Yên - Nam Định	Thôn Đồng Tâm, xã Cư Huê, huyện Ea Kar	14/6/2013	10,500,000	bà Nguyễn Thị Hồng
<b>Tổng cộng</b>						<b>85,800,000</b>	
<i>Bằng chữ: Tám mươi lăm triệu, tám trăm nghìn đồng chẵn</i>							

*3/1*

